

# Các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về kinh tế xanh trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam

## Factors affecting state management of green economy in the construction sector in Vietnam

> THS NGUYỄN BẢO TRẦN

Email: baotran112000@gmail.com

### TÓM TẮT

Tại Việt Nam, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm trong thời gian qua, ngành Xây dựng là một ngành đặc thù có liên quan mật thiết với các yếu tố về kinh tế xanh. Tại Việt Nam, Ngành đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, đòi hỏi công tác quản lý nhà nước hiệu quả để gắn kết phát triển hạ tầng, đô thị, nông thôn, sản xuất vật liệu xây dựng... với các nguyên tắc của nền kinh tế xanh. Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về kinh tế xanh trong lĩnh vực xây dựng đã đạt được một số kết quả, tuy nhiên cũng còn tồn tại một số hạn chế bất cập do chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tác động. Mục tiêu của bài viết nhằm tổng hợp các yếu tố tác động đến hoạt động quản lý nhà nước về phát triển kinh tế xanh đối với các lĩnh vực của ngành Xây dựng và đề xuất mô hình nghiên cứu để làm cơ sở đánh giá mức độ tác động của các yếu tố giúp các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở Trung ương và địa phương có cách nhìn khách quan và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế xanh trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Quản lý nhà nước; kinh tế xanh; ngành Xây dựng; phát triển bền vững.

### ABSTRACTS

The Party and the State of Vietnam have recently given green growth and sustainable development particular emphasis. The construction industry is a special industry closely related to green economic factors. In order to connect infrastructure development, urban and rural regions, construction material manufacturing, etc. with the concepts of a green economy, the Vietnamese government must effectively manage the construction sector, which is crucial to the country's economic progress. In recent times, state management of the green economy in the construction sector has achieved some results, but there are still some limitations and shortcomings due to the influence of many factors. The objective of the article is to synthesize factors affecting state management activities on green economic development in the fields of the construction industry, propose a research model as a basis for assessing the impact level of these factors to help state management agencies on construction at the central and local levels have an objective view and solutions to improve the effectiveness of state management on green economy in the coming time.

**Keywords:** State management; green economy; construction industry; sustainable development.

## I. KHÁI NIỆM KINH TẾ XANH VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ XANH TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG

### 1.1. Khái niệm về kinh tế xanh

Khái niệm kinh tế xanh đã thu hút sự chú ý trên toàn cầu, đặc biệt là sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, như một giải pháp thay thế cho các mô hình kinh tế không bền vững. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), một nền kinh tế xanh "thúc đẩy phúc lợi và công bằng của con người trong khi giảm thiểu rủi ro môi trường và suy thoái hệ sinh thái" [1]. Mô hình này ưu tiên tăng trưởng carbon thấp, hiệu quả sử dụng tài nguyên và công bằng xã hội, đảm bảo tiến bộ kinh tế không làm tổn hại đến tính toàn vẹn của môi trường. Trong lĩnh vực xây dựng, kinh tế xanh đóng vai trò quan trọng trong việc giảm suy thoái môi trường, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên và đảm bảo lợi ích kinh tế xã hội lâu dài. Theo Ủy ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu (IPPC), tổng lượng khí thải nhà kính trong lĩnh vực xây dựng đạt 12 GtCO<sub>2</sub>-eq vào năm 2022, chiếm 21% lượng

khí thải toàn cầu. Trong số này, 57% là lượng khí thải CO<sub>2</sub> gián tiếp từ việc tạo ra điện và nhiệt ngoài công trường, 24% là lượng khí thải CO<sub>2</sub> trực tiếp phát sinh tại công trường và 18% là từ việc sản xuất xi măng và thép dùng để xây dựng và cải tạo các tòa nhà [2]. Do đó, việc tích hợp hoạt động xanh vào các dự án đầu tư, hoạt động xây dựng và sản xuất vật liệu là điều cần thiết để cân bằng tăng trưởng kinh tế với tính bền vững của môi trường.

### 1.2 Quản lý nhà nước về kinh tế xanh

Quản lý nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc lồng ghép các nguyên tắc kinh tế xanh vào ngành Xây dựng Việt Nam, đảm bảo tăng trưởng kinh tế phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững. Các chính sách chủ chốt như Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg, 2021) [3] và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 882/QĐ-TTg, 2022) [4] nhằm mục đích tăng cường quy hoạch đô thị bền vững, hiệu quả năng lượng và vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường. Ngoài ra,

Quyết định số 1052/QĐ-BXD (2022) [5] nêu rõ trách nhiệm cụ thể trong việc thực hiện các sáng kiến tăng trưởng xanh phù hợp với cam kết Phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam vào năm 2050.

Đến cuối năm 2024, ngành Xây dựng tăng trưởng 7,9%, vượt mục tiêu của Chính phủ, trong khi đô thị hóa đạt 44,3% [6]. Tuy nhiên, lĩnh vực này chiếm nguồn phát thải CO<sub>2</sub> lớn - 38% tổng lượng phát thải. Mặc dù các quy định như Bộ luật Xây dựng Xanh (QCVN 09:2017/BXD) và Nghị định số 06/2022/NĐ-CP nhằm mục đích giảm thiểu tác động đến môi trường, nhưng việc thực hiện vẫn chưa đồng đều dẫn đến việc triển khai vẫn chưa nhất quán giữa các khu vực. Cụ thể như tại Hà Nội và TP.HCM, việc thực thi nghiêm ngặt các quy chuẩn xây dựng xanh chặt chẽ hơn, trong khi những hạn chế về tài chính và kỹ thuật cản trở việc áp dụng ở ĐBSCL và Tây Nguyên [7]. Vật liệu xây dựng xanh và công nghệ tiết kiệm năng lượng vẫn đắt hơn 20-30% so với các giải pháp thay thế thông thường, làm nản lòng đầu tư của khu vực tư nhân [8]. Mặc dù Nghị định số 37/2019/NĐ-CP [9] đưa ra các ưu đãi về thuế cho các doanh nghiệp xanh, nhưng tình trạng thực thi kém hiệu quả và thiếu nhận thức đã dẫn đến tỷ lệ áp dụng thấp.

## 2. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH CỦA NGÀNH XÂY DỰNG

### 2.1. Đặc điểm của ngành Xây dựng liên quan đến kinh tế xanh

Ngành Xây dựng chịu trách nhiệm cho khoảng 40% lượng khí thải carbon toàn cầu, trong đó chất thải xây dựng và phá dỡ chiếm khoảng 30% tổng lượng chất thải rắn trên toàn thế giới [10]. Tại Việt Nam, tỷ lệ tái chế chất thải xây dựng ước tính dưới 50%, chủ yếu là do hạn chế về công nghệ và nhận thức thấp. Trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng - đặc biệt là xi măng và gạch, là tác nhân chính gây ra khí thải CO<sub>2</sub>, riêng ngành xi măng chiếm gần 8% lượng khí thải CO<sub>2</sub> toàn cầu và Việt Nam nằm trong số mười quốc gia sản xuất xi măng hàng đầu, sản xuất hơn 108 triệu tấn xi măng mỗi năm [11]. Bên cạnh đó, Báo cáo Triển vọng Năng lượng Việt Nam (2024), dầu diesel vẫn cung cấp trên 70% năng lượng vận tải trong ngành Xây dựng, trong khi việc tích hợp xe điện hoặc xe hybrid chỉ dưới mức 5% do hạn chế về chi phí và cơ sở hạ tầng không đầy đủ. Ngoài ra, 28% tổng lượng khí thải CO<sub>2</sub> liên quan đến tòa nhà đến từ việc tiêu thụ năng lượng trong giai đoạn vận hành, chủ yếu từ hệ thống sưởi ấm, làm mát và chiếu sáng [12]

Để ứng phó, Việt Nam đã thúc đẩy các sáng kiến xây dựng xanh, với hơn 500 tòa nhà được chứng nhận xanh bao phủ 12 triệu mét vuông tính đến quý 4 /2024. Tuy nhiên, những con số này chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng số ngành Xây dựng, vì việc áp dụng các tiêu chuẩn xanh vẫn mang tính tự nguyện chứ không phải bắt buộc [13]. Các dự án cơ sở hạ tầng đô thị bền vững, chẳng hạn như Ecopark tại Hà Nội, đã chứng minh tiềm năng của các không gian xanh tích hợp, hệ thống năng lượng tái tạo và công nghệ tái chế nước, nhưng việc nhân bản chúng vẫn chỉ giới hạn ở các dự án phát triển thu nhập cao thay vì được áp dụng trên quy mô toàn quốc.

### 2.2. Các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về kinh tế xanh trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam

#### 2.2.1. Đề xuất mô hình các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về kinh tế xanh trong ngành Xây dựng tại Việt Nam

Dựa trên Lý thuyết thể chế [14] giải thích cách thức các khuôn khổ pháp lý, cơ chế tài chính và năng lực công nghệ định hình hiệu quả quản lý nhà nước. Lý thuyết khuếch tán đổi mới [5] hỗ trợ thêm cho nghiên cứu này bằng cách minh họa cách thức các ưu đãi tài chính và tiến bộ công nghệ thúc đẩy việc áp dụng các

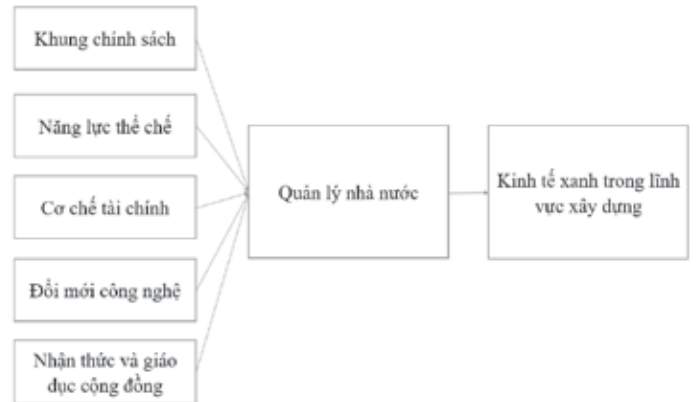
hoạt động xây dựng xanh. Các nghiên cứu thực nghiệm trước đây [16]; [17];[18];[19], đã nhấn mạnh vai trò của việc thực thi chính sách, ưu đãi tài chính và nhận thức của công chúng trong quản trị ngành Xây dựng trong nền kinh tế xanh.

Tác giả đã trao đổi, phỏng vấn một số chuyên gia bao gồm các chuyên gia nước ngoài, các cán bộ quản lý nhà nước và một số doanh nghiệp trong ngành Xây dựng có liên quan đến kinh tế xanh cho thấy:

Hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thúc đẩy nền kinh tế xanh trong lĩnh vực xây dựng của Việt Nam được hình thành bởi 5 yếu tố bao gồm: khuôn khổ chính sách, năng lực thể chế, cơ chế tài chính, đổi mới công nghệ và nhận thức & giáo dục của công chúng. Các yếu tố này ảnh hưởng đến mức độ các nguyên tắc kinh tế xanh được tích hợp vào các hoạt động xây dựng và sự thành công của các chính sách phát triển bền vững.

Trên cơ sở tổng hợp các lý thuyết và ý kiến chuyên gia, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu về các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về kinh tế xanh trong lĩnh vực xây dựng như sau:

Bảng 1: Mô hình các yếu tố tác động tới quản lý nhà nước về kinh tế xanh



Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

#### 2.2.2. Nội dung các yếu tố tác động tới quản lý nhà nước về kinh tế xanh trong lĩnh vực xây dựng

##### a. Khung chính sách

Một khuôn khổ chính sách có cấu trúc tốt đảm bảo quy hoạch đô thị bền vững, sản xuất vật liệu và hiệu quả năng lượng. Tuy nhiên, hiệu quả của nó phụ thuộc vào việc thực hiện nhất quán ở cấp Trung ương và địa phương và năng lực thực thi việc tuân thủ. Việt Nam đã đưa ra các biện pháp quản lý quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi sang xây dựng ít carbon:

➢ Quyết định 167/2022/QĐ-TTg yêu cầu cải thiện hiệu quả năng lượng và áp dụng vật liệu xanh cho hơn 10.000 doanh nghiệp tư nhân, hướng đến mục tiêu giảm 5-7% mức sử dụng năng lượng và tăng 7% năng suất [20]

➢ Luật Điện lực (2024) cho phép ký kết Thỏa thuận mua điện trực tiếp (DPPA), cho phép các dự án xây dựng quy mô lớn sử dụng năng lượng tái tạo, hỗ trợ mục tiêu Phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam vào năm 2050 [21]

➢ Quy chuẩn xây dựng xanh (QCVN 09:2017/BXD) thực thi hiệu quả nhiệt, tiết kiệm nước và kiểm soát khí thải trong các dự án cao tầng mới [22]

Tuy nhiên, khoảng cách giữa ý định chính sách và việc thực hiện vẫn còn khá lớn. TP.HCM dẫn đầu với 70 công trình xanh [23] được chứng nhận, nhưng chỉ chiếm 9% tổng số công trình xây dựng mới, cho thấy việc áp dụng chậm ngay cả ở các khu vực

phát triển. Ngược lại, hơn 60% các dự án mới ở các tỉnh không tuân thủ QCVN 09:2017/BXD do cơ chế thực thi yếu kém và năng lực giám sát chưa hoàn thiện.

Sự chênh lệch này phản ánh những điểm yếu về mặt cấu trúc trong việc thực thi chính sách, vì nhiều chính quyền tỉnh thiếu thẩm quyền và nguồn lực cần thiết để thực thi việc tuân thủ, trong khi việc thiếu các cơ chế giám sát chuẩn hóa làm trầm trọng thêm sự không nhất quán về mặt quy định. Ngoài ra, sự tham gia của khu vực tư nhân vào xây dựng xanh vẫn còn hạn chế, vì các rào cản tài chính và sự phức tạp về mặt hành chính cản trở đầu tư.

**b. Năng lực thể chế**

Năng lực thể chế là yếu tố chính quyết định hiệu quả quản lý nhà nước trong xây dựng xanh. Mặc dù ngành Xây dựng của Việt Nam có quy mô 95,8 tỷ đô la Mỹ và ngân sách 30 tỷ đô la Mỹ cho năm 2024, các cơ quan quản lý vẫn đang phải vật lộn để thực thi các chính sách bền vững một cách hiệu quả.

Một báo cáo năm 2024 của Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam (VGBC) cho thấy chỉ có 18% các dự án xây dựng tuân thủ các quy định xanh, chủ yếu là do cơ chế giám sát yếu kém và việc thực thi không nhất quán giữa các tỉnh. Ngoài ra, đổi mới trong vật liệu xanh và xây dựng tiết kiệm năng lượng vẫn còn chậm, chưa đến 10% công ty phân bổ ngân sách cho hoạt động R&D [24] công nghệ xanh, so với 25% ở các thị trường phát triển.

Một thách thức chính trong việc quản lý nhà nước về kinh tế xanh là thiếu chuyên môn trong số các viên chức quản lý [25], kiến thức hạn chế về kinh tế xanh và các tiêu chuẩn xây dựng bền vững đã dẫn đến sự chậm trễ trong việc phê duyệt dự án và thực thi yếu kém trong ngành Xây dựng. Khoảng cách về chuyên môn này đặc biệt ảnh hưởng đến các chính quyền tỉnh, nơi năng lực thực thi thấp hơn, cản trở việc áp dụng rộng rãi các hoạt động xây dựng thân thiện với môi trường.

Bảng 2: Những cải tiến công nghệ quan trọng trong ngành Xây dựng tại Việt Nam

Công nghệ đổi mới	Ảnh hưởng và lợi ích
<b>Công nghệ phủ High-Performance Solution (HPS)</b> - vật liệu cách nhiệt ứng dụng cho bề mặt công trình.	- Giảm nhiệt độ trong nhà từ 5-8°C, giảm mức tiêu thụ năng lượng từ 20-30%. - Chống thấm nước, chống nấm mốc, chống oxy hóa, kéo dài tuổi thọ của vật liệu xây dựng.
<b>Áp dụng vật liệu bền vững, phát thải thấp:</b> - Tấm sợi Cellulose - Bê tông khí chưng áp (AAC) - Tấm sợi gỗ sinh học	- Thay thế các vật liệu phát thải cao truyền thống để giảm tác động đến môi trường. - Vật liệu thân thiện với môi trường hiện chiếm 12% công trình xây dựng mới tại các thành phố lớn, tăng 40% so với năm 2020.
<b>Tấm trang trí 3D Panel</b> - làm từ sợi tre và bã mía (phế thải mía)	- Sử dụng trong các dự án phát triển đô thị như một giải pháp thay thế bền vững, có thể tái chế cho các vật liệu thông thường.
<b>Hệ thống tự động hóa DESIGO</b>	- Cho phép giám sát năng lượng theo thời gian thực và điều khiển từ xa các hoạt động của tòa nhà. - Cải thiện tính bền vững và tối ưu hóa mức tiêu thụ năng lượng trong các tòa nhà thương mại và dân cư. - Đến năm 2023, các hệ thống tự động hóa thông minh đã giảm mức tiêu thụ năng lượng tới 25% so với các tòa nhà thông thường.

Nguồn: Bộ Xây dựng

**c. Cơ chế tài chính (Financial Mechanisms)**

Bằng cách cung cấp vốn, ưu đãi thuế và các khoản vay ưu đãi, các cơ chế tài chính tác động đến các quyết định đầu tư và việc áp dụng các hoạt động đối với kinh tế xanh. Nhận ra điều này, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra một số sáng kiến tài chính xanh để hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang xây dựng ít carbon. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) đã tích hợp các tiêu chí bền vững vào khuôn khổ ngân hàng của mình, yêu cầu các ngân hàng thương mại phân bổ một phần danh mục cho vay của mình cho các khoản đầu tư xanh. Ngoài ra, *Chương trình tín dụng xanh Việt Nam* được triển khai vào năm 2023 đã cung cấp lãi suất ưu đãi từ 5-7% mỗi năm cho các dự án bền vững về mặt môi trường [26].

Tuy nhiên, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) phải đối mặt với các yêu cầu thể chấp nghiêm ngặt và các sản phẩm tài chính hạn chế phù hợp với các dự án xanh. Một báo cáo của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cho thấy chỉ có 15% doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam bảo đảm thành công nguồn tài chính xanh, so với 40% ở các nền kinh tế thu nhập cao [27]. Thị trường vốn kém phát triển và tính thanh khoản thấp của trái phiếu xanh càng cản trở khả năng tiếp cận nguồn tài chính. Hơn nữa, việc thiếu chuẩn hóa trong các quy định về tài chính xanh tạo ra sự không chắc chắn cho các nhà đầu tư do các ngân hàng khác nhau áp dụng các tiêu chí khác nhau đối với các khoản vay xanh, khiến các công ty xây dựng khó điều hướng các lựa chọn tài chính.

**d. Đổi mới công nghệ (Technological Innovation)**

Bộ Xây dựng cho rằng việc đổi mới công nghệ cho phép các công trình tiêu thụ ít năng lượng hơn, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và tích hợp các hệ thống tự động hóa thông minh, phù hợp với cam kết của Việt Nam.

Tuy nhiên, chi phí ban đầu cao, các ưu đãi tài chính hạn chế và khả năng tiếp cận hạn chế với công nghệ tiên tiến vẫn là những rào cản lớn đối với việc áp dụng rộng rãi, trong khi 35% các dự án xây dựng ở các nước phát triển đầu tư vào công nghệ trong kinh tế xanh, con số này vẫn dưới 15% ở Việt Nam [28]

#### **e. Nhận thức và giáo dục cộng đồng (Public Awareness and Education)**

Các cuộc thảo luận về nền kinh tế tuần hoàn năm 2023 nhấn mạnh vào việc giảm thiểu chất thải, tái sử dụng vật liệu và tái chế chất thải xây dựng để tối ưu hóa tài nguyên và giảm thiểu tác động đến môi trường. Ngoài ra, sáng kiến Think Playgrounds do Kiến trúc sư Chu Kim Đức đứng đầu đã biến vật liệu tái chế (gỗ, ống nhựa và kim loại,...) thành các khu vui chơi công cộng, góp phần để phát triển đô thị bền vững. Ngoài ra, các chương trình giáo dục tương tác, các khóa học đại học và các dự án cộng đồng đã được đưa ra để tăng cường sự tham gia của công chúng vào kinh tế xanh trong ngành Xây dựng. Tuy nhiên, chỉ có 28% chuyên gia xây dựng được đào tạo chính thức về các tiêu chuẩn công trình đạt tiêu chuẩn kinh tế xanh, dẫn đến khoảng cách về chuyên môn kỹ thuật và thực hiện dự án, việc công chúng bị hạn chế tiếp cận các nguồn tài nguyên giáo dục về xây dựng bền vững đã làm chậm tốc độ áp dụng.

#### **4. KẾT LUẬN**

Mô hình đánh giá được đề xuất cung cấp một cách tiếp cận có cấu trúc để đánh giá các yếu tố chính ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về nền kinh tế xanh trong xây dựng. Bằng cách phân tích có hệ thống các khuôn khổ pháp lý, cơ chế tài chính, đổi mới công nghệ và năng lực thể chế, mô hình này cho phép các nhà hoạch định chính sách có được bức tranh rõ ràng hơn về bối cảnh kinh tế xanh trong ngành Xây dựng. Sự hiểu biết này sẽ cho phép các cơ quan nhà nước xác định các lỗ hổng chính sách, tăng cường các chiến lược thực thi và triển khai các biện pháp phát triển bền vững hiệu quả hơn. Bước tiếp theo của nghiên cứu sẽ xây dựng các biến nghiên cứu và các chỉ báo cụ thể, xây dựng bảng hỏi khảo sát để đánh giá mức độ các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về kinh tế xanh trong lĩnh vực xây dựng làm cơ sở để xuất các giải pháp và khuyến nghị đối với việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế xanh của ngành Xây dựng trong thời gian tới.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), 2011. Hướng tới nền kinh tế xanh: Con đường phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo.
2. Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC), 2023. Biến đổi khí hậu 2023: Giảm thiểu biến đổi khí hậu - Chương 9: Các tòa nhà.
3. Chính phủ Việt Nam, 2021. Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021, phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
4. Chính phủ Việt Nam, 2022. Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022, phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.
5. Bộ xây dựng, 2022. Quyết định số 1052/QĐ-BXD ngày 15/11/2022 về Đề án những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26, các bên tham gia Công ước khung của Liên bang về biến đổi khí hậu.
6. Bộ Xây dựng Việt Nam, 2025. Báo cáo thường niên về Xây dựng và Phát triển Đô thị.
7. Ngân hàng Thế giới, 2024. Đánh giá đô thị hóa Việt Nam: Đẩy nhanh quá trình đô thị hóa để đạt hiệu quả kinh tế. Washington, D.C.: Ngân hàng Thế giới.
8. McKinsey & Company, 2024. Vật liệu xây dựng xanh: Cơ hội và thách thức ở Việt Nam.
9. Chính phủ Việt Nam, 2024. Nghị định số 37/2019/NĐ-CP về ưu đãi thuế đối với hoạt động bảo vệ môi trường.

10. Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), 2021. Vật liệu xây dựng và khí hậu: Xây dựng tương lai mới.
11. Statista, 2024. Việt Nam: Sản lượng xi măng hàng năm 2023.
12. Hội đồng Công trình Xanh Thế giới, 2021. Tiến tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0: Carbon hiện hữu.
13. Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), 2024. Thế giới đang gặp vấn đề về chất thải. Đây là cách giải quyết.
14. Scott, W.R., 2013. Các tổ chức và thể chế: Ý tưởng, sở thích và bản sắc. Ấn bản lần thứ 4. Thousand Oaks, CA: Ấn phẩm SAGE.
15. Rogers, E.M., 2003. Sự lan tỏa của những đổi mới. Ấn bản lần thứ 5. New York: Free Press.
16. Kibert, C.J., 2016. Xây dựng bền vững: Thiết kế và triển khai công trình xanh. Ấn bản lần thứ 4. Hoboken, NJ: John Wiley & Sons.
17. Darko, A. và Chan, A.P.C., 2017. Đánh giá các rào cản đối với việc áp dụng công trình xanh. Phát triển bền vững, 25(3), tr.167-179.
18. Tan, Y., Ochoa, J.J., Langston, C. và Shen, L., 2020. Một nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa hiệu suất phát triển bền vững và năng lực cạnh tranh kinh doanh của các nhà thầu xây dựng quốc tế. Tạp chí Sản xuất xanh, 122, tr.227-238.
19. Zhao, X., Pan, W., Lu, W. và Wang, Y., 2022. Tích hợp BIM và GIS để chứng nhận công trình xanh. Tự động hóa trong xây dựng, 130, tr.103832.
20. Chính phủ Việt Nam, 2022. Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 8/02/2022, phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân phát triển bền vững giai đoạn 2022-2025.
21. Cục Quản lý Thương mại Quốc tế, 2024. Thỏa thuận mua điện trực tiếp của Việt Nam.
22. International Finance Corporation, 2023. Triển khai Bộ quy tắc xây dựng xanh tại Việt Nam.
23. Ngân hàng Thế giới, 2023. Việt Nam: Tăng cường tính bền vững về môi trường trong lĩnh vực xây dựng.
24. International Finance Corporation, 2024. Đánh giá các bên liên quan của thị trường xây dựng xanh: Việt Nam.
25. McKinsey & Company, 2024. Chuyển đổi năng lượng toàn cầu 2050: Thông tin chi tiết của McKinsey về nhu cầu năng lượng tái tạo và cơ sở hạ tầng.
26. Trần Quang Dũng và cộng sự, 2019. Sự phát triển của thị trường công nghệ nhà xanh tại Việt Nam: Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và khiếm thức. Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng, 13(2V), trang 86-95.
27. Ngân hàng Phát triển châu Á (2024) Chương trình Tín dụng Xanh Việt Nam: Lỗi ưu đãi cho các dự án bền vững.
28. Viện Nghiên cứu Đô thị Việt Nam (2023) - Báo cáo về tình trạng chống chéo trong yêu cầu quản lý và phân mảnh chính sách.